TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/06/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phương;

2. Bà Nguyễn Thúy Phượng.

Thư ký phiên tòa: bà Dương Bùi Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đình Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 377/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/05/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kim H, sinh năm 1989. Nơi thường trú: khu phố C, phường H, Thành phố Đ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984. Nơi thường trú: 208/9, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở: 182/17, khu phố B, phường B, Thành phố Đ.

(Bà Lê Kim H có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn là bà Lê Kim H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Kim H và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37/2014 ngày 07/5/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sinh sống tại địa chỉ 1, khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai. Thời gian chung sống với nhau năm 2017 xảy ra nhiều mâu

thuẫn vì ông T nghiện ma túy đá nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân vào năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà Lê Kim H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: theo bà H trình bày, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, sinh ngày 14/8/2014. Khi ly hôn bà Lê Kim H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Kim H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày, tranh luận.*

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, làm việc với những người làm chứng để làm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, kết quả xác minh như sau: Tại Biên bản lấy lời khai đối với ông Nguyễn Trung T2, bà Nguyễn Thị Thu A (cha, mẹ đẻ ông T) có nội dung: Ông T2 và bà Thu A cho biết ông, bà là cha mẹ đẻ của ông Nguyễn Thanh T. Trước đây, T bỏ nhà đi miền T ở 08 năm, khoảng 06 tháng gần đây T về nhà sinh sống; tuy nhiên, ông T thường đi lang thang lâu lâu mới về nhà. Sau khi kết hôn, cợ chồng T, H ở cùng ông bà, sau đó ông bà không rõ mâu thuẫn là gì, ông T đã bỏ nhà đi, từ đó vợ chồng đã ly thân đến nay khoảng 08 năm. Vợ chồng T, H có 01 người con cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, sinh ngày 14/8/2014, hiện nay cháu ở cùng ông bà để ông bà hỗ trợ đưa đón chăm sóc cháu, do chị H làm công ty. Sau khi vợ chồng ly hôn, ông bà sẽ giao cháu để chị H trực tiếp nuôi dưỡng. (Bút lục 18).

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* (1) Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T (2)Về con chung: Giao con là cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, sinh ngày 14/8/2014 cho bà Lê Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu; (3) Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết; (4) Về án phí: đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: bà Lê Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T và yêu cầu trực tiếp nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp cần giải quyết trong vụ án được xác định là: "Ly

hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Nguyễn Thanh T có nơi thường trú: 208/9, khu phố A, phường L, Thành phố Đ, chỗ ở: 1, khu phố B, phường B, Thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của đương sự về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, cả 02 vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2017, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án và lời khai của những người làm chứng. Bản thân ông Nguyễn Thanh T cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ, thể hiện ở việc Tòa án nhiều lần triệu tập ông T làm việc nhưng ông T vẫn không đến Tòa làm việc, thể hiện sự bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của hai người. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã phát sinh từ nhiều năm trước, kéo dài liên tục và không được khắc phục; quá trình sống chung, vợ chồng bà H, ông T đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho đời sống hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, thì yêu cầu ly hôn của bà Lê Kim H đối với ông Nguyễn Thanh T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà H, ông T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, sinh ngày 14/8/2014. Khi ly hôn, bà H có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bản thân ông T không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến. Xét bà H có các điều kiện cơ bản để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con. Bản thân cháu T1 có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con trẻ, cần tiếp tục giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại Điều 79, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm thời, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

[5] Về tài sản, nợ chung: Bà Lê Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét. Về nợ chung, bà Lê Kim H trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lê Kim H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà Lê Kim H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 70, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Kim Huỳnh .

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Bà Lê Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Kim T1, sinh ngày 14/8/2014 cho bà Lê Kim H được trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: tạm thời ông Nguyễn Thanh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Kim H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST về ly hôn. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí bà Lê Kim H đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006297 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THA Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Long Khánh (GCNKH số: 37/2014 ngày 07/5/2014 (phường Xuân Trung cũ), để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THA Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Gia Kiệm(GCNKH số: 119/2016 ngày 06-9-2016 (xã Quang Trung cũ), để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tường Vy

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THA Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Long Khánh(GCNKH số: 71/2017 ngày 12-10-2017 (phường Xuân Trung cũ), để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố